

Bản án số: 377/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

V/v tranh chấp hợp

đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Đạt

2. Bà Lâm Thu Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 260/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện lạnh M; Địa chỉ: Số r đường a, Phường u, quận G, Tp Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quốc N- Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1989 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số b Khu phố h, phường T, Quận u, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt); Địa chỉ: Số y đường P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 của nguyên đơn Công ty TNHH Điện lạnh M(gọi tắt là công ty Đvà tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án thể hiện như sau:

Ngày 12/12/2016, ông Hà Quốc N, Giám đốc công ty Đcó ký SEC cho ông Trần Văn Đ (ông Đ) vay số tiền 200.000.000 đồng và ông Đđã rút số tiền này thành công tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Phòng giao dịch Duy Tân. Sau nhiều lần liên hệ để yêu cầu trả tiền thì ông Trần Văn Đ viết giấy cam kết trả nợ vào ngày 31/5/2018, hẹn trong vòng 01 tháng (từ 31/5/2018 đến 31/6/2018) sẽ hoàn trả đủ số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên đến nay, công ty Đvẫn chưa nhận được số tiền đã cho ông Đvay cộng với lãi suất như đã thỏa thuận. Ông Nđã nhiều lần liên hệ ông Đnhưng không được, số điện thoại của ông Đcũng không gọi được. Nay, nguyên đơn khởi kiện ông Đ, yêu cầu

Tòa án giải quyết: Buộc ông Đ thực hiện đúng cam kết, hoàn trả đầy đủ cho nguyên đơn các khoản tiền vay cộng với các khoản lãi như sau: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Lãi trong hạn (tính từ 12/12/2016 đến 30/6/2018): 31.013.699 đồng, tính theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015; Lãi quá hạn (tạm tính từ ngày 01/7/2018 đến 11/11/2022): 130.931.507 đồng, tính theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Cùng các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm nộp đơn đến khi thi hành án xong.

Tại phiên hòa giải, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Đ trả số tiền: nợ gốc 200.000.000 đồng (và lãi trong hạn tính từ 12/12/2016 đến 30/6/2018 là 31.013.699 đồng mức lãi suất tính là 10%/năm theo Bộ luật dân sự năm 2015); và trả lãi quá hạn từ ngày 01/7/2018 đến ngày 10/8/2023 là 153.452.055 đồng (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn).

Bị đơn ông Đ vắng mặt nên không có lời khai.

Ông Hà Quốc N trình bày trong bản tự khai ngày 10/8/2023: Ngày 12/12/2016, Ông N có đại diện công ty Đ ký tắt SEC trị giá 200.000.000 đồng và giấy giới thiệu cho ông Đ, để ông Đ ra Ngân hàng rút tiền vay. Đến ngày 31/5/2018, ông Đ sau nhiều lần thất hẹn đã ký giấy cam kết trả nợ vào ngày 31/5/2018. Ông N xác nhận khoản tiền cho vay là tiền của công ty Điện Lạnh, không phải của cá nhân ông N, ông chỉ là người đại diện theo pháp luật cho vay với tư cách pháp nhân. Công ty Đ đã khởi kiện tại Tòa án thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, sau đó qua xác minh được biết ông Đ ở tại Quận 7, do đó hồ sơ chuyển về Tòa án nhân dân Quận 7 để giải quyết. Ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, cam đoan không thắc mắc, khiếu nại gì.

Tại bản tự khai ngày 20/8/2023 nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 là 369.421.918 đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 169.421.918 đồng (trong hạn là 27.912.329 đồng, lãi quá hạn là 141.509.589 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Điện lạnh Myêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ trả số tiền vay còn nợ, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Trần Văn Đ cư trú tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Văn Đ, và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Mặt khác theo kết quả xác minh của Công an xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì “ông Trần Văn Đ không còn đăng ký cư trú tại xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Hiện ông Đang đăng ký thường trú tại địa chỉ f đường P, Khu phố 2, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh”. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, “...trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện.... thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung”. Như vậy ông Đ vay tiền của nguyên đơn nhưng che giấu địa chỉ không báo cho nguyên đơn biết là trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn Công ty TNHH Điện lạnh Mkhởi kiện yêu cầu ông Đ trả khoản nợ là 200.000.000 đồng trong Giấy cam kết trả nợ, và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Căn cứ Giấy lĩnh tiền mặt ngày 12/12/2016 và “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 31/5/2018, thể hiện công ty Đ có cho ông Đ mượn số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận, có cơ sở để xác định nguyên đơn công ty Đ và bị đơn ông Đ có xác lập một giao dịch vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời hạn, thời điểm tính thời hạn như sau: *một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày; một tháng là 30 ngày.*

[2.1.2] Tại “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 31/5/2018 ông Đ ghi “*Tôi cam kết từ nay 31/5/2018 đến 31/6/2018 tôi trả lại anh N số tiền trên và lãi suất theo Ngân hàng 18 tháng lãi. Nếu tôi không trả tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*”. Như vậy có thể thấy, ông Đ và Công ty Đ có thỏa thuận thời hạn vay là 18 tháng, có thỏa thuận về lãi suất nhưng không rõ ràng, do đó nguyên đơn yêu cầu trả số tiền lãi trong hạn là 9%/năm từ ngày 12/12/2016 đến ngày 30/6/2018 là có cơ sở.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm hướng dẫn như sau: c) *Hợp đồng đang được thực hiện là hợp đồng mà các bên chưa thực hiện*

xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định. Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, ...”.

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Lãi suất: *...Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*

Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quyết định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (bằng 0.75%/tháng), (có hiệu lực từ ngày 01/12/2010). Như vậy tiền lãi trong hạn được tính từ ngày 12/12/2016 đến ngày 30/6/2018 là: 200.000.000 đồng x 562 ngày x 0.025%/ngày = 28.100.000 đồng.

Lãi quá hạn được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 nguyên đơn áp dụng mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là 13.5%/năm. Như vậy tiền lãi quá hạn được tính là: 200.000.000 đồng x 1.909 ngày x 0.0375%/ngày = 143.175.000 đồng. Như vậy số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 171.275.000 đồng, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 169.421.918 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn theo mức lãi suất là 10%/năm, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn với mức lãi suất là 9%/năm là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 369.421.918 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 169.421.918 đồng.

Theo quy định tại Điều 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *”bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 369.421.918 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 169.421.918 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đ, ông Hiệp phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Ông Đ phải chịu án phí là 18.471.096 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí,

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Điện lạnh Miền Tây, buộc bị đơn ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 369.421.918 đồng (ba trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi một ngàn chín trăm mười tám đồng), trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 169.421.918 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 18.471.096 đồng (mười tám triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn không trăm chín mươi sáu đồng), ông Trần Văn Đ phải chịu.

[3] Trả lại cho Công ty TNHH Điện lạnh Msố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.049.000 đồng (chín triệu không trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo biên lai số 0018292 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- VKS nhân dân Q7, TPHCM;
- Chi cục THADS Q7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ (tk Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân